

Số: 237/2020/QĐST-HNGĐ

Thành phố Huế, ngày 11 tháng 6 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 168/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Anh Phạm H, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: 5/34 Đ, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Chị Trần Thị Thu H, sinh năm: 1993.

Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm H và chị Trần Thị Thu H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 21/10/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà của bố mẹ anh H tại 5/34 Đ, phường T, thành phố H cho đến năm 2018 thì chị H về nhà bố mẹ đẻ ở. Trong hôn nhân vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh H và chị H xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Phạm Ngọc Huyền Tr, sinh ngày: 12/5/2016. Hai bên thỏa thuận giao con chung cho chị H nuôi dưỡng, chị H không yêu cầu cấp dưỡng.

[3] Về tài sản chung: Anh H và chị H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh H và chị H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Anh H và chị H mỗi người phải chịu 150.000đồng lệ phí, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng mà anh H, chị H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2013/009750 ngày 27/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm H và chị Trần Thị Thu H thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Anh Phạm H và chị Trần Thị Thu H xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Phạm Ngọc Huyền Tr, sinh ngày 12/5/2016. Anh H và chị H thỏa thuận giao cháu Tr cho chị H nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Chị H không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh Phạm H và chị Trần Thị Thu H xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Phạm H và chị Trần Thị Thu H xác nhận vợ chồng không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Phạm H và chị Trần Thị Thu H mỗi người phải chịu 150.000đồng lệ phí giải quyết việc dân sự, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đồng mà anh H và chị H đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/009750 ngày 27/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, nên anh H và chị H không phải nộp tiếp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP H;
- TAND Tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Chi cục THADS TP H;
- Các đương sự;
- UBND phường T, TP H
(ĐKKH số 86/2015, quyền số: 01/2015 ngày 21/10/2015);
- Lưu HCTP;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Trần Dũng